TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÔNG LÔ** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:16/2019/HNGĐ-ST
Ngày 16 tháng 7 năm 2019
V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ,TỈNH VINH PHÚC
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Huệ
Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Bắc
2. Bà Nguyễn Thị Hưng

Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Trần Thị Kim Dung

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô tham gia phiên toà: Ông Vũ Văn Nam, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2019, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Sông Lô xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2019/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2019 về việc tranh chấp Hôn nhân gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXX - HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2019 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 65/2019/QĐST-DS ngày 20/6/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1989, (có mặt)
Nơi cư trú: Thôn V, xã Đ, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc.
Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984, (vắng mặt)
Nơi cư trú: Thôn V, xã Đ, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc.
Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1958,(có mặt)
Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1959, (vắng mặt)
Đều cư trú: Thôn V, xã Đ, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 26 tháng 4 năm 2019, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn T ngày 24/11/2007 cưới có được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn chị về làm dâu và chung sống cùng gia đình anh T ngay. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T không chịu làm ăn và hay chơi bời lô đề cờ bạc, đánh đập chửi bới chị, đập phá đồ đạc trong gia đình. Đến tháng 01/2019 anh T đã đánh đập chị và đuổi

chị ra khỏi nhà, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Hai bên gia đình có giàn xếp để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Xuân M, sinh ngày 16/8/2008 và Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 04/4/2010, hiện nay hai con đang ở cùng gia đình anh T. Ly hôn chị xin được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện nay chị đang làm công nhân thu nhập bình quân của chị là 11.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Chị không đề nghị Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa quá trình giải quyết anh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh trình bày: Về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống, thời điểm sống ly thân như chị trình bày là đúng. Theo anh nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường hay cãi chửi nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn anh đồng ý ly hôn với chị.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như chị L trình bày là đúng. Ly hôn, anh đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh làm nghề kinh doanh bán sơn tường thu nhập bình quân của anh là 10.000.000đ/tháng. Đến ngày 08/6/2019 anh đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Nếu anh đi xuất khẩu lao động thì anh nhờ bố mẹ đẻ anh chăm sóc hai cháu giúp anh.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B trình bày: Bà có quan hệ là mẹ đẻ anh T và là bố mẹ chồng chị L. Chị L và anh T kết hôn năm 2007. Sau khi kết hôn chị L về làm ăn chung sống cùng gia đình bà được 01 năm thì vợ chồng ở riêng. Quá trình vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn gì lớn là do chị L tự lánh xa chồng con. Đến đầu năm 2019 chị L và anh T sống ly thân, hai bên gia đình có giàn xếp để vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị L không về. Nay chị L xin ly hôn anh T thì tùy anh chị tự quyết định. Về con chung: chị L và anh T có 02 con chung như chị L trình bày là đúng, hiện nay hai cháu đang ở cùng gia đình bà. Nếu chị L, anh T ly hôn ông bà đề nghị để anh T được trực tiếp nuôi hai con vì các cháu ở ổn định từ nhỏ tới nay. Ngày 19/ 6/2019 anh T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Nếu anh T đi xuất khẩu lao động thì vợ chồng bà sẽ chăm sóc hai cháu.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa ông có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông trình bày: Ông có quan hệ là bố đẻ anh T và là bố chồng chị L. Ông đồng ý quan điểm trình bày về nội dung vụ án như vợ ông trình bày trong quá trình giải quyết ông không thay đổi bổ sung gì.

Qua xác minh tại UBND xã Đ: Chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Văn T kết hôn ngày 24/11/2007, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đồng T. Sau khi kết hôn chị Lvề làm dâu và chung sống cùng gia đình anh T ngay. Quá trình vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo dư luận tại địa phương do kinh tế khó khăn nên vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thỉnh thoảng cãi chửi nhau. Nay chị L xin ly hôn với anh T địa phương đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung, anh chị có hai con là Nguyễn Xuân M, sinh ngày 16/8/2008 và Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 04/4/2010. Ly hôn, địa phương đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

1.Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị L và xử cho chị L được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2.Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Xuân M, sinh ngày 16/8/2008 và Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 04/4/2010, hiện nay hai con đang ở cùng gia đình anh T. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L. Không ai được ngăn cản quyền thăm nuôi con.

3.Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Không đề nghị nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn T là hôn nhân hợp pháp, tiến bộ, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện S. Nguyên nhân do kinh tế khó khăn nên vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thỉnh thoảng cãi chửi nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2019 cho đến nay. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nay chị L xin ly hôn, anh T đồng ý là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận.

[2] Về con chung: Ly hôn cả hai đều xin được nuôi hai con và không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Xét việc nuôi con của các bên

thấy rằng chị L và anh T đều có thu nhập ổn định, đảm bảo để nuôi con, mặc dù các cháu có nguyện vọng xin được ở với bố. Mặt khác tại buổi hòa giải ngày 24/5/2019 anh T và mẹ anh T đều xác nhận ngày 08/6/2019 anh T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, anh nhờ bố mẹ anh chăm sóc hai con. Tại phiên tòa bố mẹ anh T xác nhận anh T đã đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan ngày 19/6/2019 Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên tòa và có công văn cho Cục xuất nhập cảnh, ngày 08/7/2019 Cục xuất nhập cảnh có văn bản trả lời xác nhận anh T đã xuất cảnh. Như vậy anh T không thể trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc các con được. Nếu giao cả hai con cho anh T nuôi thì không đảm bảo cuộc sống cho các con về mọi mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển toàn diện cho con nên giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu M và cháu H. Việc chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là tự nguyện, phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Chị L, anh T không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét và quyết định.

[4] Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị có căn cứ, phù hợp với phần nhận định, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình ; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 3; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2.Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Xuân M, sinh ngày 16/8/2008 và Nguyễn Mạnh H, sinh ngày 04/4/2010, hiện nay hai con đang ở cùng gia đình anh T. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L. Không ai được ngăn cản quyền thăm nuôi con.

Theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3.Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không đề nghị nên Hội đồng xét xử nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ

theo biên lai số: AA/2017/0001513 ngày 02/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Lô. Chị L nộp đủ án phí.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án lên Toà án cấp trên để yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại Uỷ ban nhân dân xã nơi cư trú của người vắng mặt./

Nơi nhận:
- VKSND huyện Sông Lô;
- Chi cục THADS huyện Sông Lô;
- UBND xã Đồng Thịnh;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(đã ký tên và đóng dấu)

Trần Thị Huệ